

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh 4 - TP. HCM

Địa chỉ: 57-59 Bến Vân Đồn, Phường 13, Quận 4, Hồ Chí Minh, Việt Nam

SWIFT code: ICBVNVX908

Website: www.vietinbank.vn

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Số: 0908BG2301084


TP. HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH
(Theo danh sách phụ lục đính kèm)

Theo đề nghị của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu: “Gói thầu số 01: Cung cấp 18 mặt hàng thuốc cho các tỉnh miền Bắc (mã hiệu: ĐTTT.01.2023)” và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH 4, TP. HCM ở Việt Nam có trụ sở đăng ký tại 57 – 59 Bến Vân Đồn, Phường 13, Quận 4, TP. HCM (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là **3.037.962.642 VND (Bằng chữ: Ba tỷ ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng)**. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn **3.037.962.642 VND (Bằng chữ: Ba tỷ ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng)** như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày 30/09/2024. 

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH 4 – TP. HCM

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Xuân Hùng
PHÓ GIÁM ĐỐC

Chữ ký được ủy quyền

(*) Các bên liên quan có thể truy cập địa chỉ website: <https://ebanking.vietinbank.vn/tracuubaolanh> để kiểm tra tính xác thực của thư bảo lãnh này.





PHỤ LỤC**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH**(Kèm theo và là một phần không thể tách rời của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số: **0908BG2301084** –

Phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP.HCM ngày 30/08/2023)

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VNĐ)	Giá trị bảo lãnh (VNĐ)
1	19013	Bệnh viện C	Thái Nguyên	330,928,000	9,927,840
2	19133	Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	Thái Nguyên	178,880,000	5,366,400
3	19014	Bệnh viện Gang thép	Thái Nguyên	302,307,200	9,069,216
4	19666	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	Thái Nguyên	6,439,680,000	193,190,400
5	27010	Bệnh viện Quân y 110	Bắc Ninh	447,200,000	13,416,000
6	11011	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	Điện Biên	1,073,280,000	32,198,400
7	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	Điện Biên	670,800,000	20,124,000
8	11048	Trung tâm y tế huyện Mường Chà	Điện Biên	134,160,000	4,024,800
9	11073	Trung tâm y tế huyện Mường Nhé	Điện Biên	223,600,000	6,708,000
10	11061	Trung tâm y tế huyện Nậm Pồ	Điện Biên	304,096,000	9,122,880
11	11060	Trung tâm y tế huyện Tủa Chùa	Điện Biên	983,840,000	29,515,200
12	11045	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	Điện Biên	268,320,000	8,049,600
13	02240	Bệnh viện đa khoa Đức Minh	Hà Giang	715,520,000	21,465,600
14	02008	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê	Hà Giang	125,216,000	3,756,480

15	02011	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	Hà Giang	178,880,000	5,366,400
16	02012	Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc	Hà Giang	536,640,000	16,099,200
17	02009	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Hà Giang	178,880,000	5,366,400
18	02013	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang	357,760,000	10,732,800
19	02005	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	1,788,800,000	53,664,000
20	02007	Bệnh viện đa khoa huyện Xín mần	Hà Giang	178,880,000	5,366,400
21	02004	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	Hà Giang	715,520,000	21,465,600
22	02010	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Yên Minh	Hà Giang	1,788,800,000	53,664,000
23	02006	Bệnh viện đa khoa KV huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	357,760,000	10,732,800
24	02001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	Hà Giang	1,431,040,000	42,931,200
25	02227	Bệnh viện Phổi Hà Giang	Hà Giang	71,552,000	2,146,560
26	02016	Bệnh viện y dược cổ truyền	Hà Giang	44,720,000	1,341,600
27	35001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Hà Nam	357,760,000	10,732,800
28	01043	Bệnh viện 19-8	Hà Nội	357,760,000	10,732,800
29	01025	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Hà Nội	335,400,000	10,062,000
30	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	894,400,000	26,832,000

31	01826	Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	Hà Nội	89,440,000	2,683,200
32	01013	Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp	Hà Nội	3,577,600,000	107,328,000
33	01161	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Hà Nội	53,664,000	1,609,920
34	01831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Hà Nội	1,793,272,000	53,798,160
35	01028	Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội	Hà Nội	1,073,280,000	32,198,400
36	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	1,073,280,000	32,198,400
37	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	1,788,800,000	53,664,000
38	01819	Bệnh viện Quân Y 105	Hà Nội	178,880,000	5,366,400
39	01006	Bệnh viện Thanh Nhân	Hà Nội	6,260,800,000	187,824,000
40	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hà Nội	32,198,400	965,952
41	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	1,341,600,000	40,248,000
42	01062	Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công an	Hà Nội	232,544,000	6,976,320
43	01010	Công ty cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải	Hà Nội	89,440,000	2,683,200
44	01018	Viện Y học Phòng không-Không quân	Hà Nội	178,880,000	5,366,400
45	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Hà Nội	536,640,000	16,099,200
46	30299	Bệnh viện Phổi HD	Hải Dương	447,200,000	13,416,000

47	30013	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương	Hải Dương	134,160,000	4,024,800
48	30330	Bệnh viện Nhi Hải Dương	Hải Dương	178,880,000	5,366,400
49	30012	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng	Hải Dương	1,252,160,000	37,564,800
50	30007	Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	Hải Dương	715,520,000	21,465,600
51	30005	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Kinh Môn	Hải Dương	715,520,000	21,465,600
52	30008	TTYT huyện Gia Lộc	Hải Dương	357,760,000	10,732,800
53	30010	Trung tâm Y tế huyện Kim Thành	Hải Dương	357,760,000	10,732,800
54	17010	Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn	Hòa Bình	89,440,000	2,683,200
55	12014	Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ	Lai Châu	107,328,000	3,219,840
56	12016	Trung tâm y tế huyện Than Uyên	Lai Châu	44,720,000	1,341,600
57	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	107,328,000	3,219,840
58	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Nam Định	715,520,000	21,465,600
59	36057	Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	Nam Định	1,431,040,000	42,931,200
60	36032	Trung tâm y tế huyện ý Yên	Nam Định	178,880,000	5,366,400
61	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Thọ	1,162,720,000	34,881,600
62	22007	Bệnh viện đa khoa Cẩm phả	Quảng Ninh	447,200,000	13,416,000
63	22020	Bệnh viện đa khoa Hạ Long	Quảng Ninh	143,104,000	4,293,120

64	22015	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	330,928,000	9,927,840
65	22017	Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	626,080,000	18,782,400
66	14004	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên	Sơn La	447,200,000	13,416,000
67	14002	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	357,760,000	10,732,800
68	14003	Bệnh viện đa khoa huyện Mộc châu	Sơn La	447,200,000	13,416,000
69	14015	Bệnh viện đa khoa Sốp Cộp	Sơn La	223,600,000	6,708,000
70	14011	Bệnh viện đa khoa Tháo Nguyên huyện Mộc Châu	Sơn La	447,200,000	13,416,000
71	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sơn La	447,200,000	13,416,000
72	14006	Bệnh viện đa khoa Yên Châu	Sơn La	223,600,000	6,708,000
73	10007	Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát	Lào Cai	804,960,000	24,148,800
74	08101	Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang	Tuyên Quang	357,760,000	10,732,800
75	08501	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	335,400,000	10,062,000
76	08401	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	357,760,000	10,732,800
77	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2,683,200,000	80,496,000
78	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	1,788,800,000	53,664,000
79	26055	Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	357,760,000	10,732,800

80	15901	Bệnh viện đa khoa KV Nghĩa Lộ	Yên Bái	2,432,768,000	72,983,040
81	15101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Yên Bái	3,577,600,000	107,328,000
82	15030	Bệnh viện Phổi tỉnh Yên Bái	Yên Bái	436,020,000	13,080,600
83	15301	Trung tâm y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	536,640,000	16,099,200
84	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	894,400,000	26,832,000
85	31007	ttyt huyện An Dương	Hải Phòng	178,880,000	5,366,400
86	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	2,146,560,000	64,396,800
87	01924	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	Hà Nội	447,200,000	13,416,000
88	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	205,712,000	6,171,360
89	34014	Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	Hà Nội	64,396,800	1,931,904
90	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	447,200,000	13,416,000
91	01001	Bệnh viện Hữu nghị	Hà Nội	223,600,000	6,708,000
92	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Hà Nội	1,431,040,000	42,931,200
93	01906	Bệnh viện K	Hà Nội	12,521,600,000	375,648,000
94	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	4,472,000,000	134,160,000
95	01914	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Hà Nội	1,490,741,200	44,722,236
96	01905	Bệnh viện Phụ sản TW	Hà Nội	2,683,200,000	80,496,000
97	01909	Bệnh viện Tai Mũi Họng TW	Hà Nội	1,073,280,000	32,198,400
98	19010	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Hà Nội	4,472,000,000	134,160,000

99	01920	Viện Huyết học - Truyền máu TW	Hà Nội	2,527,909,800	75,837,294
100	31142	Viện Y học Biển Việt Nam	Hà Nội	107,328,000	3,219,840
Tổng				101,265,421,400	3,037,962,642







NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 029/QĐ-HĐQT-NHCT-NS2

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thôi giao nhiệm vụ đối với cán bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VietinBank;

Căn cứ Quy chế Quản lý cán bộ VietinBank ban hành kèm theo Quyết định số 888/2020/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 20/04/2020 của Hội đồng quản trị VietinBank;

Căn cứ Nghị quyết số 91-NQ/ĐUNHCT ngày 26/12/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy VietinBank và Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT-NHCT-NS2 ngày 27/12/2022 của Hội đồng quản trị VietinBank về công tác cán bộ;

Xét yêu cầu công tác, năng lực, phẩm chất cán bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Khối Nhân sự VietinBank,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi giao nhiệm vụ phụ trách VietinBank – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông **Nguyễn Xuân Hùng**, Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ông Nguyễn Xuân Hùng được hưởng tiền lương bậc 12 mức 4 theo quy định tại Quyết định số 356/2018/QĐ-HĐQT-NHCT1.1 ngày 28/06/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; được hưởng các chế độ, quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Hợp đồng lao động ký với VietinBank.

Điều 3. Ông Nguyễn Xuân Hùng thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Phó giám đốc Chi nhánh VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VietinBank và hệ thống các Quy chế, Quy định nội bộ VietinBank.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày **01/02/2023**.

Điều 5. Ông Tổng giám đốc VietinBank chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện; các tổ chức, cá nhân có liên quan tại VietinBank và ông Nguyễn Xuân Hùng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

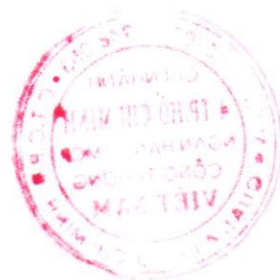
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- HĐQT, BĐH, BKS;
- CN 4 TPHCM;
- Lưu VP, P.PTNS⁽¹⁴⁾.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Minh Bình





**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **545**/UQ-HĐQT-NHCT18
V/v ủy quyền ký và tổ chức thực hiện các giao
dịch, văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng

Hà Nội, ngày **20** tháng 4 năm 2022

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

I. Người ủy quyền: Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Là đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây viết tắt là "**NHCT Việt Nam**").

Số Hộ chiếu: C3446628

Ngày cấp: 08/06/2017; Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Địa chỉ nơi làm việc: 108 - Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

II. Người được ủy quyền:

Là người được bổ nhiệm và đang giữ một trong các chức vụ dưới đây thuộc hệ thống NHCT Việt Nam (có *Quyết định bổ nhiệm kèm theo*):

1. Giám đốc¹/Phó Giám đốc Chi nhánh NHCT Việt Nam;
2. Trưởng Phòng Giao dịch²/Phó trưởng Phòng Giao dịch thuộc Chi nhánh NHCT Việt Nam;
3. Trưởng Phòng Bán lẻ³/Phó trưởng Phòng Bán lẻ tại các Chi nhánh NHCT Việt Nam;
4. Giám đốc⁴/Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ NHCT Việt Nam;
5. Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp⁵/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại các Chi nhánh NHCT Việt Nam.

III. Nội dung, phạm vi ủy quyền:

1. **Giám đốc/Phó giám đốc Chi nhánh NHCT Việt Nam** được đại diện cho NHCT Việt Nam ký và tổ chức thực hiện:
 - 1.1. Các Hợp đồng, thỏa thuận, văn bản phát sinh liên quan đến hoạt động tín dụng tại Chi nhánh, bao gồm: Thỏa thuận/Hợp đồng cho vay; Hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Cam kết bảo lãnh; Hợp đồng chiết khấu bộ chứng từ; Biên bản ghi nhớ về việc cấp tín dụng; Hợp đồng mở thư tín dụng/Giấy đề nghị mở thư tín dụng; Thỏa thuận, hợp đồng liên quan đến nghiệp vụ bao thanh toán; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng/Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Hợp đồng/thỏa thuận bảo mật thông tin và các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản khác liên quan đến việc cấp tín dụng; các văn bản sửa đổi, bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận, văn kiện nêu trên (trong Văn bản này gọi chung là "**Các Văn Kiện Tín Dụng**"); và Các Hợp đồng thuê định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm, Hợp đồng bảo đảm; Thỏa thuận quản lý tài sản bảo đảm; Đơn yêu cầu đăng ký, xóa đăng ký, thay đổi, sửa chữa sai sót, gia hạn đăng ký biện

¹ Quyền Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh NHCT Việt Nam và các chức danh tương đương là người được ủy quyền theo mục này.

² Quyền Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Giao dịch thuộc Chi nhánh NHCT Việt Nam là người được ủy quyền theo mục này.

³ Quyền Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Bán lẻ tại các Chi nhánh NHCT Việt Nam là người được ủy quyền theo mục này.

⁴ Quyền Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ NHCT Việt Nam là người được ủy quyền theo mục này.

⁵ Quyền Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại các Chi nhánh NHCT Việt Nam là người được ủy quyền theo mục này.

pháp bảo đảm; hợp đồng/thỏa thuận bảo mật thông tin các văn bản khác liên quan đến việc đăng ký biện pháp bảo đảm và các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu khác liên quan đến việc quản lý và nhận tài sản bảo đảm, các văn bản sửa đổi, bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận, văn kiện nêu trên (trong Văn bản này gọi chung là “**Các Văn Kiện Bảo Đảm**”) **trong các trường hợp và theo các nguyên tắc sau:**

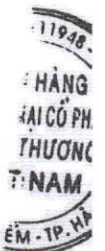
- 1.1.1. Trong phạm vi thẩm quyền tín dụng của Giám đốc/Phó giám đốc Chi nhánh theo các quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
- 1.1.2. Vượt phạm vi thẩm quyền tín dụng của Giám đốc Chi nhánh và phải đảm bảo các điều kiện sau: Đã có văn bản phê duyệt tín dụng của cấp thẩm quyền tín dụng tại Trụ sở chính NHCT Việt Nam và:
 - a) Giám đốc Chi nhánh phải là người ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm đối với trường hợp Giám đốc Chi nhánh là người quyết định tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
 - b) Phó giám đốc Chi nhánh là người ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm trong các trường hợp còn lại theo văn bản của Giám đốc Chi nhánh phân công nhiệm vụ thực hiện hành động quyết định tín dụng.
- 1.2. Các Văn Kiện Bảo Đảm để bảo đảm cho các khoản cấp tín dụng liên Chi nhánh với điều kiện: (i) Khoản tín dụng đó đã được quyết định tín dụng bởi (các) cấp có thẩm quyền tín dụng tương ứng; và (ii) Chi nhánh đã được NHCT Việt Nam giao cho làm Chi nhánh đầu mối.
- 1.3. Hợp đồng mua bán Giấy tờ có giá có kỳ hạn (trong trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu Giấy tờ có giá có kỳ hạn).
- 1.4. Hợp đồng mua bán nợ; Thông báo xử lý tài sản bảo đảm; Hợp đồng bán, chuyển nhượng, cho thuê, liên doanh liên kết để khai thác tài sản bảo đảm; Hợp đồng thuê trông, giữ, quản lý tài sản bảo đảm; Hợp đồng thuê định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm; Hợp đồng bán đấu giá tài sản bảo đảm, hợp đồng/thỏa thuận bảo mật thông tin và các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản khác có liên quan đến việc xử lý tín dụng theo quy định của pháp luật và NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
2. **Ngoài phạm vi ủy quyền tại Mục 1 Phần III Văn bản này, Giám đốc Chi nhánh được:**
 - 2.1. Ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Phó giám đốc, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Bán lẻ, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh đó, **với điều kiện:** (i) người có thẩm quyền đó vắng mặt tại đơn vị; hoặc (ii) nếu để những người này ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm đó sẽ dẫn đến không bảo đảm tính khách quan hoặc vi phạm các quy định pháp luật, quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
 - 2.2. Ủy quyền lại:
 - a) *Trường hợp cấp tín dụng liên Chi nhánh hoặc trường hợp quy định tại tiết a điểm 1.1.2 Văn bản này:* **Giám đốc Chi nhánh được ủy quyền lại cho Phó giám đốc** ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc thẩm quyền đại diện ký kết của Giám đốc Chi nhánh trong thời gian vắng mặt tại đơn vị nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) Khoản tín dụng đó đã được Giám đốc Chi nhánh ký đồng ý quyết định tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam; (ii) việc vắng mặt là có căn cứ theo Giấy nghỉ phép đã được Ban lãnh đạo phê duyệt/Quyết định cử cán bộ đi công tác/giấy tờ chứng minh khác; (iii)

⁶ Hiện quy định tại điểm 2 khoản 11.3 Điều 11 Quy định thẩm quyền tín dụng đối với khách hàng phi Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 075/2022/QĐ-HĐQT-NHCT9 ngày 10/01/2022.

đảm bảo nguyên tắc cá nhân, bộ phận có chức năng thẩm định tín dụng độc lập với cá nhân, bộ phận có chức năng phê duyệt quyết định cấp tín dụng.

- b) **Các trường hợp khác:** Giám đốc Chi nhánh được ủy quyền lại cho Phó giám đốc, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng bán lẻ, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc thẩm quyền ký của mình **với điều kiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:**
- (i) Nếu ủy quyền lại cho Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch thì phải đảm bảo **điều kiện:** giới hạn tín dụng/tổng các khoản tín dụng⁷ đối với khách hàng đó không vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản tín dụng được bảo đảm toàn bộ bằng tiền mặt, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do NHCT Việt Nam phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc nhà nước; và, Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm không liên quan đến việc cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho khách hàng.
 - (ii) Nếu ủy quyền lại cho Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng bán lẻ thì chỉ được ủy quyền ký các khoản cấp tín dụng cho khách hàng thuộc phân khúc bán lẻ theo quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
 - (iii) Nếu ủy quyền lại cho Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp thì chỉ được ủy quyền ký các khoản cấp tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp siêu vi mô theo quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
- c) *Trong mọi trường hợp*, Người được ủy quyền lại chỉ được ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm sau khi Giám đốc Chi nhánh đã ký đồng ý quyết định tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam và ủy quyền lại (về việc đại diện ký kết) bằng văn bản.
3. **Ngoài phạm vi ủy quyền tại Mục 1 Phần III Văn bản này, Phó Giám đốc Chi nhánh được:**
- 3.1. Ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm trong trường hợp cấp tín dụng liên Chi nhánh hoặc trường hợp quy định tại tiết a điểm 1.1.2 Văn bản này trong thời gian Giám đốc Chi nhánh vắng mặt tại đơn vị nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) Khoản tín dụng đó chưa được Giám đốc Chi nhánh thực hiện hành động quyết định tín dụng; (ii) có văn bản của Giám đốc Chi nhánh phân công nhiệm vụ thực hiện hành động quyết định tín dụng; (iii) đảm bảo điều kiện quy định tại tiết (ii) và tiết (iii) điểm a Khoản 2.2 Văn bản này.
 - 3.2. Ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng bán lẻ, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh đó, với điều kiện được quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Phần III Văn bản này và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) Khoản tín dụng đó chưa được Giám đốc Chi nhánh hoặc Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng bán lẻ hoặc Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp hoặc Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh đó thực hiện hành động quyết định tín dụng; (ii) có văn bản của Giám đốc Chi nhánh phân công nhiệm vụ thực hiện hành động quyết định tín dụng; (iii) đảm bảo điều kiện quy định tại tiết (ii) và tiết (iii) điểm a Khoản 2.2 Văn bản này.
4. **Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh NHCT Việt Nam** được đại diện cho NHCT Việt Nam ký kết và tổ chức thực hiện:

⁷ Giới hạn tín dụng/tổng các khoản tín dụng được xác định theo cách tính Số tiền cấp tín dụng để xác định thẩm quyền tín dụng theo Quy định thẩm quyền tín dụng đối với KH phi TCTD của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ



- 4.1. Các Văn Kiện Tín Dụng trong phạm vi thẩm quyền tín dụng của Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch do Giám đốc Chi nhánh giao mức thẩm quyền tín dụng bằng văn bản theo quy định của NHCT Việt Nam, nhưng phải bảo đảm điều kiện quy định tại tiết (i) điểm b khoản 2.2 Mục 2 Phần III Văn bản này.
- 4.2. Các Văn Kiện Tín Dụng vượt phạm vi thẩm quyền tín dụng của Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch do Giám đốc Chi nhánh giao mức thẩm quyền tín dụng bằng văn bản theo quy định của NHCT Việt Nam **nhưng phải bảo đảm các điều kiện sau đây:**
- a) Đã được Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh ký đồng ý quyết định tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam;
 - b) Đã được Giám đốc Chi nhánh ủy quyền lại theo quy định tại điểm b và c khoản 2.2 Mục 2 Phần III Văn bản này *(trong trường hợp thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Giám đốc)* hoặc đã được Phó Giám đốc Chi nhánh giao nhiệm vụ bằng văn bản *(trong trường hợp thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Phó giám đốc)*; và
 - c) Đảm bảo điều kiện quy định tại tiết (i) điểm b khoản 2.2 Mục 2 Phần III Văn bản này.
- 4.3. Các Văn Kiện Bảo Đảm để bảo đảm cho Các Văn Kiện Tín Dụng được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch ký theo quy định tại khoản 4.1 và khoản 4.2 Mục 4 Phần III Văn bản này.
- 4.4. Các Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Bảo Đảm đối với những giao dịch bảo đảm cho khoản tín dụng **vượt phạm vi mức thẩm quyền tín dụng** của Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Giao dịch (tại thời điểm ký và tổ chức thực hiện Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Bảo Đảm đó) nhưng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- a) Các Văn Kiện Bảo Đảm này đã được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch đại diện ký và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của NHCT Việt Nam và quy định của pháp luật (tại thời điểm xác lập giao dịch đó);
 - b) Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bởi giao dịch bảo đảm này đã được Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh ký đồng ý quyết định tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam;
 - c) Giám đốc Chi nhánh có văn bản giao nhiệm vụ cho Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch ký kết và tổ chức thực hiện Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Bảo Đảm này.
- 4.5. Các hợp đồng mua bán Giấy tờ có giá có kỳ hạn (trong trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu Giấy tờ có giá có kỳ hạn).
- 4.6. Trưởng phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch bán lẻ được ký các Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Bảo Đảm đối với những giao dịch bảo đảm cho khoản tín dụng đã được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch bán lẻ đại diện ký và tổ chức thực hiện với Khách hàng doanh nghiệp siêu vi mô trước thời điểm Văn bản này có hiệu lực nhưng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- a) Các Văn Kiện Bảo Đảm này đã được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch bán lẻ đại diện ký và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của NHCT Việt Nam và quy định của pháp luật (tại thời điểm xác lập giao dịch đó);
 - b) Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bởi giao dịch bảo đảm này đã được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch bán lẻ (trước thời điểm Văn bản này có hiệu lực) hoặc Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh hoặc Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp ký đồng ý quyết định tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam;
 - c) Giám đốc Chi nhánh có văn bản giao nhiệm vụ cho Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch bán lẻ ký kết và tổ chức thực hiện Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Bảo Đảm này.

5. **Ngoài phạm vi ủy quyền tại Mục 4, Trưởng Phòng giao dịch được** đại diện cho NHCT Việt Nam ký kết và tổ chức thực hiện cả Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Phó trưởng Phòng giao dịch đó, với điều kiện được quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Phần III Văn bản này.
6. **Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng bán lẻ tại các Chi nhánh NHCT Việt Nam được** đại diện cho NHCT Việt Nam ký và tổ chức thực hiện:
- 6.1. Các Văn Kiện Tín Dụng trong trường hợp thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Bán lẻ tại Chi nhánh do Giám đốc Chi nhánh giao mức thẩm quyền tín dụng bằng văn bản theo quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
- 6.2. Các Văn Kiện Bảo Đảm để bảo đảm cho Các Văn Kiện Tín dụng được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng bán lẻ ký theo quy định tại khoản 6.1 Mục 6 Phần III Văn bản này.
7. **Ngoài phạm vi ủy quyền tại Mục 6, Trưởng Phòng bán lẻ tại Chi nhánh được** ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Phó trưởng Phòng Bán lẻ tại Chi nhánh đó, với điều kiện được quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Phần III Văn bản này.
8. **Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm thẻ NHCT Việt Nam được** đại diện cho NHCT Việt Nam ký kết và tổ chức thực hiện:
- 8.1. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng/Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các văn bản sửa đổi, bổ sung; Phụ lục; các văn bản, tài liệu khác liên quan đến Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng/Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (i) thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng và (ii) vượt phạm vi thẩm quyền tín dụng của mình theo quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ. Trường hợp vượt phạm vi thẩm quyền tín dụng thì phải đảm bảo điều kiện đã có văn bản phê duyệt tín dụng của (các) cấp thẩm quyền tín dụng theo quy định của NHCT Việt Nam.
- 8.2. Các hợp đồng bảo đảm, các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu khác liên quan đến việc quản lý và nhận tài sản bảo đảm (bao gồm cả các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung) để đảm bảo cho Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng/Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các loại văn kiện khác được Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ ký theo quy định tại khoản 8.1 mục 8 Phần III Văn bản này.
9. **Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại các Chi nhánh NHCT Việt Nam được** đại diện cho NHCT Việt Nam ký và tổ chức thực hiện:
- 9.1. Các Văn Kiện Tín Dụng trong trường hợp thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại Chi nhánh do Giám đốc Chi nhánh giao mức thẩm quyền tín dụng bằng văn bản theo quy định của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.
- 9.2. Các Văn Kiện Bảo Đảm để bảo đảm cho Các Văn Kiện Tín dụng được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp ký theo quy định tại khoản 9.1 Mục 9 Phần III Văn bản này.
- 9.3. Các Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm đã được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Bán lẻ ký với Khách hàng doanh nghiệp siêu vi mô theo quy định tại Mục 6 và Mục 7 Phần III Văn bản này trước thời điểm Văn bản này có hiệu lực.
- 9.4. Các Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Tín Dụng đã được Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng giao dịch bán lẻ đại diện ký kết và tổ chức thực hiện với Khách hàng doanh nghiệp



WV

siêu vi mô theo quy định tại Khoản 4.1 Mục 4 và Mục 5 Phần III Văn bản này trước thời điểm Văn bản này có hiệu lực theo đúng quy định của NHCT Việt Nam và quy định của pháp luật (tại thời điểm ký Các Văn Kiện Tín Dụng); và, Các Văn Kiện Tín Dụng thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Trưởng Phòng/Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp (tại thời điểm ký kết và tổ chức thực hiện Văn bản sửa đổi, bổ sung Các Văn Kiện Tín Dụng).

10. **Ngoài phạm vi ủy quyền tại Mục 9, Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại Chi nhánh được ký Các Văn Kiện Tín Dụng, Các Văn Kiện Bảo Đảm thuộc phạm vi thẩm quyền tín dụng của Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp tại Chi nhánh đó, với điều kiện được quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Phần III Văn bản này.**

IV. Các quy định khác:

1. Người được ủy quyền: chỉ được thực hiện các công việc được ủy quyền khi đang đảm nhiệm chức vụ được giao; có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung, phạm vi ủy quyền; chịu trách nhiệm trước người ủy quyền, trước pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền.
2. Người được ủy quyền được sử dụng con dấu của đơn vị để đóng dấu trên các văn bản mà Người được ủy quyền ký khi thực hiện công việc được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền này (theo Quy định về quản lý và sử dụng con dấu trong hệ thống NHCT Việt Nam).
3. Người được ủy quyền khi thực hiện công việc được ủy quyền phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định, quy chế, quy trình của NHCT Việt Nam trong từng thời kỳ.

V. Thời hạn ủy quyền:

1. Văn bản ủy quyền này thay thế Văn bản ủy quyền số: 196/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 25/01/2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị NHCT Việt Nam v/v ủy quyền ký và tổ chức thực hiện các giao dịch, văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng.
2. Văn bản ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 25/04/2022 và có giá trị thực hiện trong thời hạn năm (05) năm hoặc hết hiệu lực khi có văn bản ủy quyền khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như Mục II;
- HĐQT; BKS; BĐH;
- Khối Nhân sự; Khối KHDN; Khối Bán lẻ;
- Khối PDTD; Khối Vận hành;
- Phòng QLRRTD,ĐT; P.QLRRHĐ;
- P.KTNB; P.KTKSNB; Các P.KTKSNBKV;
- Lưu: VP, PC (thuhuyentt).

